

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 13/12/2022

“ V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Trọng Nghĩa
2. Ông Nguyễn Hữu Nhất

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 386/2022/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về *“Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Trần Thị H , sinh năm 1974 - Có mặt*
2. *Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E , sinh năm 1969 - Có mặt*

Tên gọi khác: V

Cùng trú tại: Tổ A, thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E tự nguyện chung sống từ năm 20/10/1991, có tổ chức lễ ăn hỏi, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông E hay đánh đập bà H , ông E đã có người phụ nữ khác chung sống công khai đã hai năm nay. Nay bà H yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ giữa bà H và ông E là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông E có 07 con chung:

1. Nguyễn Thị Hằng V1 , sinh năm 1993

2. Nguyễn Hoàng V2 , sinh năm 1997
3. Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1999
4. Nguyễn H1 V3, sinh năm 2001
5. Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 2004
6. Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2006
7. Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 06/3/2011

Hiện nay cháu V3 đã lập gia đình, cháu V1, N và H1 làm thuê, hoàn toàn khỏe mạnh. Còn cháu Nguyễn Hoàng V2 bị điện giật phải cưa hai chân năm 2014 hiện nay đang ở với bà H nuôi dưỡng được nhà nước trợ cấp xã hội. Cháu Nguyễn Hoài B đang học nghề nấu ăn làm đầu bếp còn cháu Nguyễn Thị Kim T đang học lớp 6A1 trường THCS Nguyễn Huệ, xã EaMnang.

Nguyên vọng của bà H trong quá trình hòa giải đã thỏa thuận được với ông E giao cả ba cháu V2 , B và T cho bà H nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên. Còn các cháu còn lại đã trưởng thành lập gia đình và đi làm nên không đề nghị giải quyết. Không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung ông E đồng ý với lời khai của bà Trần Thị H .

Về mâu thuẫn gia đình ông E nhận thấy giữa ông và bà H không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, từ năm 2012 sống không hạnh phúc. Nay tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận ông E và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông E và bà H về việc giao ba cháu V2 , B và T cho bà H nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Trần Thị H .

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và anh Nguyễn Văn E .

Về con chung: Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận thỏa thuận giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E : giao cháu Nguyễn Hoài B, sinh năm 2006; Nguyễn Thị Kim T,

sinh năm 2011 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. giao cháu Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 1997 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông E thường mắng chửi xúc phạm và đánh đập bà H; hơn nữa ông E và bà H có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, bà Trần Thị H đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn E là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và anh E có 07 con chung là Nguyễn Thị Hằng V1, sinh năm 1993; Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 1997; Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1999; Nguyễn H1 V3, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 2004; Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2006; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 06/3/2011, trong đó có hai cháu là Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 26/3/2006; Nguyễn Thị Kim T, sinh 06/3/2011 hiện cả hai cháu đang chung sống với bà H và đang đi học. Đối với cháu Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 1997 hiện thuộc đối tượng người khuyết tật, không có khả năng lao động, không có tài sản riêng, hiện nay cháu đang được bà H nuôi dưỡng. Hàng tháng cháu V2 đều được hưởng trợ cấp xã hội, bà H được hưởng trợ cấp xã hội của người nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận giữa bà H và ông E là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở nguyện vọng của ba cháu giao 02 cháu B và T cho bà H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, giao cháu V2 cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Áp dụng Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn E về con chung như sau:

Giao cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 26/3/2006; Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 06/3/2011 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Hoàng V2, sinh ngày 20/6/1997 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0013652 ngày 27/9/2022 tại Chi cục T hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- T hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã EaMnang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu